TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-BẮC NINH
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2025
V/v "Tranh chấp ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KH VỰC 2-BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Đỗ Văn Ngôn
2. Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2025/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Anh Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Khu 12, xã Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (nay là khu 12, xã Vạn Xuân, tỉnh Phú Thọ).

**** Bị đơn:*** *Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1980 (có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Nơi cư trú: Tổ dân phố Giá Sơn, phường Ninh Sơn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Giá Sơn, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 26/5/2025, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2019 tại UBND xã Phương Thịnh, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Phương Thịnh, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, anh và chị C về chung sống tại nhà của chị C ở thôn Giá Sơn, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Giá Sơn, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh). Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống. Đến năm 2023, do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình nên anh đã bỏ về xã

Lam Sơn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Vạn Xuân, tỉnh Phú Thọ) sinh sống cho đến nay không gặp lại chị C, vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị C.

Về con chung: Anh và chị C không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Vợ chồng anh không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà anh Nguyễn Mạnh Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Đối với chị Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án tại biên bản lấy lời khai có trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Q kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 14/01/2019 tại UBND xã Phương Thịnh, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Phương Thịnh, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn, chị và anh Q về chung sống với nhau tại nhà chị ở thôn Giá Sơn, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Giá Sơn, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh). Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn do có sự khác biệt về quan điểm sống. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, việc anh Q có đơn xin ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Chị và anh Q không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà chị Nguyễn Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn anh Q, bị đơn chị C chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

- Về quan hệ vợ chồng: Cho anh Nguyễn Mạnh Q được ly hôn với chị Nguyễn Thị C.

- Về con chung, tài sản chung, công sức, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: anh Nguyễn Mạnh Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 2, tỉnh Bắc Ninh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm Q:

- Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh có thẩm Q xét xử vụ án dân sự sơ thẩm trên theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm Q của các Tòa án nhân dân.

- Vụ án tranh chấp ly hôn giữa anh Q và chị C thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị C có nơi cư trú: Tổ dân phố Giá Sơn, phường Ninh Sơn, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là tổ dân phố Giá Sơn, phường Vân Hà, tỉnh Bắc Ninh) nên Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2- Bắc Ninh) thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm Q theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Q, bị đơn chị C vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Q, chị C.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn và giải quyết con chung của nguyên đơn anh Nguyễn Mạnh Q. Hội đồng xét xử thấy:

* Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Q và chị C xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Thịnh, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ (nay là xã Phương Thịnh, tỉnh Phú Thọ) làm phát sinh Q, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Q và chị C có một thời gian chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, không còn tình cảm. Tại bản tự khai của anh Q, chị C đều xác định mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau, anh Q, chị C đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh Q đề nghị được ly hôn với chị C, chị C đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Q, chị C đều xác định có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau và vợ chồng ly thân nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay không còn quan tâm chăm sóc gì cho nhau, anh Q, chị C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn.

Tại biên bản làm việc với chính Q địa phương và gia đình chị C cũng xác định vợ chồng anh Q, chị C có mâu thuẫn, hiện tại không còn ở với nhau. Xét mâu thuẫn giữa anh Q và chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh Q, chị C đều xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

* Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh Q, chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Q phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về Q kháng cáo: Các đương sự có Q kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Mạnh Q được ly hôn chị Nguyễn Thị C.

2. Về con chung; Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Anh Q, chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Án phí: Anh Nguyễn Mạnh Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0002445 ngày 02/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận anh Nguyễn Mạnh Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Q kháng cáo:

Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 2-Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Phương Thịnh, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân